TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2026/HC-PT
Ngày 06 tháng 3 năm 2026
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Đ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 400/2025/TLPT-HC ngày 01 tháng 12 năm 2025 về: *"*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 552/2025/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 236/2026/QĐXX-PT ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Lô D khu Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quang V, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Số F C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2024; có mặt

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số F N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T: Bà Nguyễn Thị Phương T1, Chuyên viên Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân phường T; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Lô D khu Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn T là Người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện là ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông Huỳnh Văn T là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích 8.351m^2 đất có mục đích sử dụng là nuôi trồng thủy sản, thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 101 tại Phường I, thành phố V và không có tranh chấp.

Theo Sổ đăng ký đất năm 1991 thể hiện toàn bộ diện tích đất trên thu hồi thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05 có diện tích 1.261.500 m^2, loại đất Hg, tên chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân Phường I. Theo hồ sơ địa chính năm 2004 thể hiện phần diện tích đất trên thuộc một phần thửa đất số 04 và 21, tờ bản đồ số 101, không ghi tên người sử dụng. Diện tích 8.351m^2 đất bị thu hồi thuộc một phần trong tổng diện tích 70.000m^2 đất có nguồn gốc do ông Lê Đình N khai phá trước năm 1992. Ngày 10/8/2006, ông N chuyển nhượng 10.000m^2 đất cho ông Nguyễn Văn L. Ngày 21/8/2007, ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Ngọc H lập giấy viết tay chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị T2.

Ngày 31/7/2024, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 6606/QĐ-UBND về việc thu hồi 8.351m^2 đất tại một phần thửa đất số 4 + 21, tờ bản đồ số 101 thuộc khu vực C B, Phường I do ông Huỳnh Văn T đang chiếm dụng vi phạm pháp luật về đất đai. Ông T cho rằng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố V nêu trên đã vi phạm điểm đ khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013; đồng thời, ông cũng không phải là đối tượng được Nhà nước giao đất và để đất bị lấn chiếm, nên việc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định thu hồi đất số 6606/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7744/QĐ-

UBND ngày 23/9/2024 đều là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính nêu trên.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V có Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Theo hồ sơ địa chính Phường I (cũ) duyệt ngày 07/12/1991: Phần diện tích đất của ông Huỳnh Văn T nằm trong diện tích đất 1.261.500 m^2, thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05. Theo sổ mục kê ruộng đất Phường I (cũ) xác nhận ngày 12/12/1991: Diện tích 8.351m^2 thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.261.500 m^2, loại đất Hg, tên chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân Phường I (cũ). Theo bản đồ địa chính số hoá Phường 9 ký duyệt ngày 07/10/2004: Thửa đất trên thuộc một phần thửa số 4+21, tờ bản đồ 101. Theo Sổ địa chính Phường 9 xác nhận ngày 07/10/2004: Thửa đất số 04, tờ bản đồ 101, không ghi tên chủ sử dụng, loại đất "GT". Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 101, không ghi loại đất, không ghi tên chủ sử dụng đất. Theo bản đồ địa chính số hoá Phường I (chỉnh lý) năm 2015: Thửa đất trên thuộc một phần thửa số 15+21, tờ bản đồ 101. Theo Sổ mục kê Phường 9 (chỉnh lý) ngày 30/12/2016: Thửa đất số 15, tờ bản đồ 101, ghi tên người sử dụng là "UBND phường", loại đất là "DGT"; thửa số 21, tờ bản đồ 101, không ghi tên chủ sử dụng đất, loại đất "NTS".

Ngày 07/5/2002, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 601/QĐ-UB thành lập Đoàn Kiểm tra việc sử dụng đất và rừng tự nhiên của các tổ chức, cá nhân khu vực Cù lao B thuộc Phường E, 6 và 9, thành phố V, trong đó có diện tích đất trên. Tại Báo cáo số 105/BC-KT ngày 29/11/2002 ghi nhận các trường hợp đang chiếm đất Cù lao B tại thời điểm năm 2002 không có tên ông T đang sử dụng đất tại khu vực này. Tại buổi làm việc với Ủy ban nhân dân Phường I, ông T cho biết: *"Năm 2007, mua lại đất đùng nuôi trồng thủy sản"* nhưng ông T không xuất trình được các loại giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của mình; đồng thời, theo hồ sơ địa chính năm 1991, 2004, 2015, 2016 cũng không thể hiện việc kê khai, đăng ký sử dụng đất của ông T. Toàn bộ khu vực Cù lao B trước năm 1990 là đất bãi bồi ven sông, ven biển, rừng ngập mặn, là đất Nhà nước quản lý chưa đưa vào sử dụng, chưa giao, chưa cho thuê. Việc sử dụng đất của ông T trong trường hợp này là trái pháp luật. Do đó, ngày 26/6/2024, Ủy ban nhân dân thành phố V lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Huỳnh Văn T về hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị thuộc một phần các thửa đất số 04 + 21, tờ bản đồ số 101, Phường I (khu vực Cù lao B) để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích đất lấn chiếm là 8.351m^2 là đúng quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và điểm a khoản 2 Điều 3; điểm đ khoản 1, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) của Chính phủ.

Do xác định việc ban hành Quyết định thu hồi đất số 6606/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V đúng quy định pháp luật nên Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7744/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V cũng là hợp pháp. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 552/2025/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đề nghị Tòa án hủy Quyết định thu hồi đất số 6606/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7744/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, ông Huỳnh Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Văn T do ông Vũ Quang V đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn T trình bày:

Toàn bộ diện tích 8.351m^2 đất thu hồi có mục đích sử dụng là nuôi trồng thủy sản, thuộc một phần của thửa đất số 21, tờ bản đồ số 101 tại Phường I, thành phố V nằm trong 70.000m^2 đất do ông Lê Đình N khai phá trước năm 1992 và sử dụng trước ngày 01/7/2004 với những chứng cứ gồm: Đơn xin xác nhận tạm trú của ông N được Công an P xác nhận ngày 22/8/2008 về việc ông N ở trên đất từ năm 2003; Sổ thu các loại quỹ của Ủy ban nhân dân Phường I đối với gia đình ông N năm 1998 và hồ sơ điện nước của hộ ông N; Giấy nhận sang nhượng đất của ông B, sổ tạm trú, Báo cáo số 5371/BC-UB ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân Phường I. Ngày 10/8/2006, ông N chuyển nhượng 10.000m^2 đất cho ông Nguyễn Văn L. Ngày 21/8/2007, ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Ngọc H lập giấy viết tay chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị T2. Do đó, việc sử dụng đất của ông T là hợp pháp. Mặt khác, ông T không phải là đối tượng được Nhà nước giao đất nên việc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông T là không đúng. Từ căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện đề nghị hủy các quyết định hành chính nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N1 bị kiện trình bày: Theo Sổ mục kê Phường 9 (chỉnh lý) ngày 30/12/2016: Thửa đất số 15, tờ bản đồ 101, ghi tên người sử dụng là "UBND phường", loại đất là "DGT"; thửa số 21, tờ bản

đồ 101, không ghi tên chủ sử dụng đất, loại đất "NTS". Tại Báo cáo số 105/BC-KT ngày 29/11/2002 ghi nhận các trường hợp đang chiếm đất Cù lao B tại thời điểm năm 2002 không có tên ông T đang sử dụng đất tại khu vực này, đồng thời theo xác minh của cơ quan quản lý đất đai địa phương thì toàn bộ khu vực Cù lao B trước năm 1990 là đất bãi bồi ven sông, ven biển, rừng ngập mặn, là đất Nhà nước quản lý chưa đưa vào sử dụng, chưa giao, chưa cho thuê. Ông T cũng không xuất trình được giấy tờ chứng minh có quyền sử dụng hợp pháp đối với đất trên nên việc sử dụng đất của ông T được xem là trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định toàn bộ diện tích đất bị thu hồi thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Phường I (cũ). Ông T cho rằng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn T nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn T do ông Vũ Quang V đại diện như sau:

[4.1] Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Theo hồ sơ địa chính Phường 9 năm 1991 thì diện tích 8.351m^2 bị thu hồi thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.261.500 m^2, loại đất Hg, tên chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân Phường I (cũ).

Theo hồ sơ địa chính Phường 9 năm 2004 thì diện tích đất 8.351m^2 thuộc một phần thửa đất số 04, diện tích 14.855,9m^2 loại đất "GT" và thuộc một phần thửa đất số 21, diện tích 10.833,9m^2, không ghi loại đất, cùng thuộc tờ bản đồ số 101, không ghi tên người sử dụng.

Theo hồ sơ địa chính Phường 9 năm 2015 và 2016 (hồ sơ chỉnh lý) thì diện tích đất 8.351m^2 thuộc một phần thửa đất số 15, diện tích 10.008m^2 loại đất "DGT", tên chủ sử dụng đất là "UBND phường" và một phần thửa đất số 21, diện tích 10.833,9m^2, loại đất "NTS", không ghi tên người sử dụng.

Tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 26/01/2018 của Hội, thành phố V về việc thông qua tình hình quản lý, sử dụng đất công và đề xuất phương án quản lý đất công trên địa bàn Phường I xác định: Thửa đất của ông T có tên trong danh mục số 4, là đất do cá nhân lấn chiếm. Toàn bộ diện tích đất tại khu vực Cù lao B ở thời điểm trước năm 1990 là đất bãi bồi ven sông, ven biển, rừng ngập mặn, chưa đưa vào sử dụng thuộc quyền quản lý của Nhà nước, trong đó có diện tích 8.351m^2 đất do Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố V quản lý. Như vậy, cho tới thời điểm thu hồi đất, toàn bộ diện tích đất trên chưa được Nhà nước xác lập quyền sử dụng cho bất cứ cá nhân hay tổ chức nào nên việc tự ý sử dụng đất của ông N và sau đó là ông L, ông T đều là không hợp pháp.

[4.2] Ngày 26/6/2024, Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố V đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC đối với ông T về hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị (tại Cù lao B thuộc địa bàn Phường I, thành phố V) với tổng diện tích khoảng 8.351m^2 đất mà không được cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai cho phép. Ngày 05/7/2024, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V lập Biên bản số 33/BB-XM về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với ông T. Ngày 31/7/2024, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định thu hồi đất số 6606/QĐ-UBND đối với diện tích 8.351m^2 đất tại một phần thửa đất số 04 + 21, tờ bản đồ số 101 thuộc khu vực C B, Phường I do ông T đang sử dụng, là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[4.3] Quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng diện tích 8.351m^2 đất bị thu hồi có nguồn gốc do ông Lê Đình N khai hoang trước năm 1992, sau đó chuyển nhượng lại cho ông L và ông L chuyển nhượng lại cho ông T theo Giấy viết tay đề ngày 21/8/2007. Tuy nhiên, giấy viết tay chuyển nhượng này không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận nên không có giá trị pháp lý; đồng thời, các tài liệu hồ sơ địa chính năm 1991, 2004 và 2015, 2016 cũng không thể hiện việc kê khai, đăng ký sử dụng đất của ông T. Ngoài Giấy viết tay chuyển nhượng đất ngày 21/8/2007, ông T không cung cấp được bất cứ chứng

cứ nào khác có giá trị chứng minh mình có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất nêu trên. Do đó, việc sử dụng đất của ông T trong trường hợp này được xác định là hành vi tự ý chiếm đất sử dụng mà không được cơ quan quản lý đất đai cho phép như ghi nhận của Ủy ban nhân dân thành phố V tại Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 26/6/2024 là có căn cứ.

[4.4] Việc lấn chiếm đất trái phép của ông T buộc phải khắc phục hậu quả bằng biện pháp khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất, cụ thể là bị thu hồi để trả lại cho Nhà nước để thực hiện chính sách đất đai địa phương theo quy định pháp luật. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 6606/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7744/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 đều là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở.

[5] Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn T phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 552/2025/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn T do ông Vũ Quang V đại diện; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 552/2025/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng: Luật Đất đai năm 1993, 2013; Điều 66 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đề nghị:

1.1. Huỷ Quyết định số 6606/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc thu hồi

đất do vi phạm pháp luật về đất đai (thu hồi 8.351m^2 đất tại một phần thửa đất số 04 + 21, tờ bản đồ số 101 thuộc khu vực C B, Phường I do ông Huỳnh Văn T đang chiếm dụng);

1.2. Huỷ Quyết định số 7744/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Huỳnh Văn T.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0002224 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thi hành án Dân sự Thành phố H).

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0027027 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố H.

- Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 552/2025/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường